

Số: 01/2013/TT-BTP

Hà Nội, ngày 03 tháng 01 năm 2013

THÔNG TƯ**Hướng dẫn Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự**

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ Luật Thống kê năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13/02/2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Căn cứ Nghị định số 93/2008/NĐ-CP ngày 22/8/2008 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 74/2009/NĐ-CP ngày 09/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự về cơ quan quản lý thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự và công chức làm công tác thi hành án dân sự;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư hướng dẫn Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự như sau:

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh:**

Thông tư này hướng dẫn Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự, bao gồm: việc lập và gửi báo cáo thống kê thi hành án dân sự; phương pháp tính trong báo cáo thống kê thi hành án dân sự; sử dụng và công bố thông tin thống kê thi hành án dân sự; tổ chức thực hiện Chế độ báo cáo thống kê thi hành dân sự; kiểm tra, thanh tra, khen thưởng và xử lý vi phạm trong thực hiện chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự.

2. Đối tượng áp dụng:

- a) Tổng cục Thi hành án dân sự;
- b) Cục Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- c) Chi cục Thi hành án dân sự quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;
- d) Chấp hành viên và cán bộ, công chức làm công tác thi hành án dân sự;
- đ) Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng;
- e) Phòng Thi hành án quân khu, quân chủng và tương đương (sau đây gọi tắt là Phòng Thi hành án cấp quân khu);

g) Chấp hành viên và cán bộ, công chức làm công tác thi hành án dân sự trong quân đội;

h) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Hệ thống Biểu mẫu

Hệ thống biểu mẫu thống kê thi hành án dân sự ban hành kèm theo Thông tư này bao gồm:

1. Danh mục biểu mẫu và phân cấp thực hiện.
2. Các biểu mẫu thống kê thi hành án dân sự:
 - a) Kết quả thi hành án dân sự tính bằng việc chủ động thi hành án;
 - b) Kết quả thi hành án dân sự tính bằng việc theo đơn yêu cầu thi hành án;
 - c) Kết quả thi hành án dân sự tính bằng tiền chủ động thi hành án;
 - d) Kết quả thi hành án dân sự tính bằng tiền theo đơn yêu cầu thi hành án;
 - đ) Kết quả thi hành án dân sự tính bằng tiền theo tổ chức, cá nhân được thi hành án;
 - e) Kết quả thi hành án dân sự tính bằng việc chia theo cơ quan Thi hành án và Chấp hành viên;
 - g) Kết quả thi hành án dân sự tính bằng tiền chia theo cơ quan Thi hành án và Chấp hành viên;
 - h) Kết quả đề nghị xét miễn, giảm thi hành án dân sự;
 - i) Số việc và số tiền trong các bản án, quyết định Toà án tuyên không rõ, có sai sót, cơ quan Thi hành án đã yêu cầu giải thích, kiến nghị và kết quả trả lời của Toà án hoặc người có thẩm quyền;
 - k) Số việc cưỡng chế thi hành án không huy động lực lượng và có huy động lực lượng;
 - l) Khiếu nại và giải quyết khiếu nại trong thi hành án dân sự;
 - m) Tố cáo và giải quyết tố cáo trong thi hành án dân sự;
 - n) Kết quả thực hiện chỉ tiêu biên chế và cơ cấu công chức của cơ quan Thi hành án dân sự;
 - p) Trình độ công chức của cơ quan Thi hành án dân sự;
 - q) Số cuộc giám sát và kết quả thực hiện kết luận giám sát;
 - r) Số cuộc kiểm sát và kết quả kiểm sát;
 - s) Số việc, số tiền bản án, quyết định có kháng nghị và xử lý kháng nghị của Toà án và Viện Kiểm sát;
 - t) Số việc, số tiền bồi thường của Nhà nước trong thi hành án dân sự;
 - u) Số việc đôn đốc thi hành án hành chính.

Điều 3. Cơ quan nhận báo cáo thống kê thi hành án dân sự và trình tự báo cáo thống kê thi hành án dân sự

1. Cơ quan nhận báo cáo thống kê thi hành án dân sự:

- a) Chi cục Thi hành án dân sự;
- b) Cục Thi hành án dân sự;
- c) Tổng cục Thi hành án dân sự;
- d) Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp;
- đ) Phòng Thi hành án quân khu, quân chủng và tương đương (sau đây gọi tắt là cấp quân khu);
- e) Cục Thi hành án – Bộ Quốc phòng;
- g) Tư lệnh cấp quân khu;
- h) Cơ quan thống kê cùng cấp.

2. Trình tự báo cáo thống kê thi hành án dân sự:

a) Chấp hành viên báo cáo thống kê thi hành án dân sự cho đơn vị nơi Chấp hành viên công tác;

b) Chi cục Thi hành án dân sự báo cáo thống kê cho Cục Thi hành án dân sự, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cơ quan thống kê cùng cấp;

c) Cục Thi hành án dân sự cấp tỉnh báo cáo Thống kê cho Tổng cục Thi hành án dân sự và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan thống kê cùng cấp;

d) Chấp hành viên Thi hành án dân sự trong quân đội báo cáo thống kê cho Phòng thi hành án cấp quân khu nơi Chấp hành viên công tác;

đ) Phòng Thi hành án cấp quân khu báo cáo thống kê cho Tư lệnh cấp quân khu và Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng;

e) Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng báo cáo thống kê cho Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Bộ trưởng Bộ Tư pháp (Tổng cục Thi hành án dân sự);

g) Tổng cục Thi hành án dân sự tổng hợp số liệu thống kê thi hành án dân sự trong toàn quốc báo cáo Bộ trưởng Bộ Tư pháp để báo cáo Chính phủ, Quốc hội và các cơ quan có thẩm quyền khác khi có yêu cầu.

Điều 4. Biểu mẫu báo cáo thống kê thi hành án dân sự

1. Báo cáo thống kê định kỳ:

Biểu mẫu báo cáo thống kê thi hành án dân sự định kỳ bao gồm 19 biểu mẫu, được quy định tại Khoản 2, Điều 2 Thông tư này.

2. Báo cáo thống kê đột xuất:

Báo cáo thống kê đột xuất được thực hiện theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp cần báo cáo thống kê đột xuất nhằm thực

hiện các yêu cầu về quản lý nhà nước trong thi hành án dân sự, cơ quan có yêu cầu phải yêu cầu báo cáo bằng văn bản, nêu rõ thời gian, thời hạn, nội dung báo cáo thống kê cụ thể và các yêu cầu khác (nếu có) để tổ chức, cá nhân được yêu cầu thực hiện.

Điều 5. Kỳ báo cáo thống kê thi hành án dân sự

Kỳ báo cáo thống kê thi hành án dân sự được tính theo ngày dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/10 của năm trước và kết thúc vào ngày cuối cùng của các tháng tương ứng với kỳ thống kê đó. Năm báo cáo thống kê thi hành án dân sự kết thúc vào ngày 30/9 năm sau. Kỳ báo cáo thống kê thi hành án dân sự bao gồm 12 kỳ: 1 tháng, 2 tháng, 3 tháng, 4 tháng, 5 tháng, 6 tháng, 7 tháng, 8 tháng, 9 tháng, 10 tháng, 11 tháng, 12 tháng.

Điều 6. Giá trị pháp lý của số liệu thống kê thi hành án dân sự

Số liệu thống kê thi hành án dân sự là một bộ phận của số liệu thống kê ngành Tư pháp. Sau khi được công bố có giá trị pháp lý, không một tổ chức, cá nhân nào được thay đổi hoặc ép buộc tổ chức, cá nhân khác công bố số liệu thống kê thi hành án dân sự sai sự thật. Số liệu thống kê thi hành án dân sự là một trong những căn cứ để thực hiện việc quản lý, điều hành công tác thi hành án dân sự.

Chương II

NỘI DUNG THỐNG KÊ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

VÀ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Điều 7. Phương pháp tính trong báo cáo thống kê thi hành án dân sự

Số liệu báo cáo thống kê thi hành án dân sự được tính theo phương pháp lũy kế.

Điều 8. Lập báo cáo thống kê thi hành án dân sự

1. Kết thúc kỳ báo cáo thống kê các tổ chức, cá nhân thực hiện báo cáo thống kê phải chốt số liệu cuối kỳ, khóa sổ để lập biểu báo cáo. Kết quả của kỳ nào phải báo cáo trong kỳ đó.

2. Kết thúc năm báo cáo, Cục Thi hành án dân sự lập danh sách việc thi hành án dân sự chưa tổ chức thi hành xong chuyển sang năm sau gửi Tổng cục Thi hành án dân sự - Bộ Tư pháp để theo dõi, quản lý.

Phòng Thi hành án cấp quận khu lập danh sách việc thi hành án chưa tổ chức thi hành xong chuyển sang năm sau gửi Cục Thi hành án - Bộ Quốc phòng để theo dõi, quản lý.

3. Ngày lập báo cáo thống kê được tính ngay sau ngày khóa sổ. Nếu ngày lập báo cáo thống kê trùng với ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết hoặc ngày nghỉ cuối tuần, thì ngày lập báo cáo thống kê là ngày làm việc tiếp theo ngay sau ngày đó.

4. Cách thức lập báo cáo thống kê được thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 9. Hình thức báo cáo thống kê thi hành án dân sự và phương thức gửi báo cáo thống kê thi hành án dân sự

1. Hình thức báo cáo thống kê thi hành án dân sự:

a) Báo cáo thống kê thi hành án dân sự của Cục Thi hành án dân sự, Chi cục Thi hành án dân sự, Phòng Thi hành án cấp quận khu được thể hiện bằng văn bản, có chữ ký, họ tên của người lập biểu, chữ ký, họ tên của Cục trưởng, Chi cục trưởng và Trưởng phòng Thi hành án cấp quận khu, đóng dấu phát hành theo quy định và tệp dữ liệu điện tử gửi kèm.

b) Báo cáo thống kê thi hành án dân sự của Chấp hành viên được thể hiện bằng văn bản, có chữ ký, họ tên của người lập biểu là Chấp hành viên.

2. Phương thức gửi báo cáo thống kê thi hành án dân sự:

Báo cáo thống kê thi hành án dân sự được gửi tới nơi nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau:

a) Gửi bằng đường bưu điện;

b) Gửi trực tiếp.

Trường hợp cần thiết, để đảm bảo kịp thời số liệu theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền ngay sau khi ký phát hành, có thể gửi báo cáo thống kê qua thư điện tử hoặc Fax. Việc gửi thư điện tử, phải sử dụng hộp thư điện tử do Bộ Tư pháp cấp (xxx@moj.gov.vn). Sau đó gửi bản gốc về Tổng cục Thi hành án dân sự để theo dõi, quản lý.

Điều 10. Ngày gửi và thời hạn gửi báo cáo thống kê thi hành án dân sự

1. Ngày gửi báo cáo thống kê thi hành án dân sự:

Ngày gửi báo cáo thống kê là ngày ghi trên dấu bưu điện, ngày Fax báo cáo, ngày gửi thư điện tử hoặc ngày nhận báo cáo nếu báo cáo gửi trực tiếp.

2. Thời hạn gửi báo cáo thống kê thi hành án dân sự:

a) Chậm nhất trước ngày 03 của kỳ báo cáo kế tiếp, Chấp hành viên gửi báo cáo thống kê kết quả thi hành án của kỳ trước cho Thủ trưởng cơ quan Thi hành án dân sự nơi công tác;

b) Chậm nhất trước ngày 05 của kỳ báo cáo kế tiếp, Chi cục Thi hành án dân sự phải gửi báo cáo thống kê kết quả của kỳ trước của đơn vị mình cho Cục Thi hành án dân sự và các cơ quan nhận báo cáo thống kê theo quy định;

c) Chậm nhất trước ngày 10 của kỳ báo cáo kế tiếp, Cục Thi hành án dân sự phải gửi báo cáo thống kê kết quả của kỳ trước của đơn vị và của toàn tỉnh tới Tổng cục Thi hành án dân sự và các cơ quan nhận báo cáo thống kê theo quy định;

d) Chậm nhất trước ngày 03 của kỳ báo cáo kế tiếp, Chấp hành viên thi hành án dân sự trong quân đội phải gửi báo cáo thống kê kết quả thi hành án của kỳ trước cho Trưởng phòng Thi hành án nơi mình công tác;

đ) Chậm nhất trước ngày 05 của kỳ báo cáo kế tiếp, Phòng Thi hành án cấp quân khu phải gửi báo cáo thống kê thi hành án dân sự kỳ trước của đơn vị mình cho Cục Thi hành án- Bộ Quốc phòng và các cơ quan nhận báo cáo thống kê theo quy định;

e) Chậm nhất trước ngày 10 của kỳ báo cáo kế tiếp, Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng gửi báo cáo thống kê kết quả thi hành án trong quân đội kỳ trước cho Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Bộ trưởng Bộ Tư pháp (Tổng cục Thi hành án dân sự) và các cơ quan nhận báo cáo thống kê theo quy định;

g) Chậm nhất trước ngày 15 của kỳ báo cáo kế tiếp, Tổng cục Thi hành án dân sự phải gửi báo cáo thống kê kết quả thi hành án của kỳ trước tới Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Điều 11. Chỉnh sửa số liệu trong báo cáo thống kê thi hành án dân sự

Khi phải chỉnh sửa số liệu trong báo cáo thống kê thi hành án dân sự, đơn vị, cá nhân báo cáo thống kê phải gửi báo cáo bổ sung và giải trình rõ về việc chỉnh sửa đó và phải có chữ ký xác nhận, đóng dấu của cơ quan. Nghiêm cấm việc tự ý tẩy, xóa trong biểu mẫu báo cáo thống kê.

Điều 12. Kiểm tra, thanh tra trong thống kê thi hành án dân sự

1. Kiểm tra trong thống kê thi hành án dân sự:

Kiểm tra trong thống kê thi hành án dân sự bao gồm các nội dung sau:

- a) Việc thực hiện các quy định của pháp luật về thống kê;
- b) Việc thực hiện Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự;
- c) Các nội dung khác liên quan đến thống kê thi hành án dân sự.

2. Thanh tra trong thống kê thi hành án dân sự:

Thanh tra trong thống kê thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra.

Điều 13. Thẩm quyền công bố số liệu trong báo cáo thống kê thi hành án dân sự

Bộ trưởng Bộ Tư pháp công bố số liệu trong báo cáo thống kê thi hành án dân sự hoặc ủy quyền cho Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự thực hiện. Hình thức công bố theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Sử dụng thông tin trong báo cáo thống kê thi hành án dân sự

Số liệu trong báo cáo thống kê thi hành án dân sự được sử dụng làm một trong những căn cứ khi quyết định một số vấn đề cơ bản sau:

1. Đánh giá kết quả thi hành án, tình hình tổ chức, hoạt động của các cơ quan Thi hành án dân sự, Chấp hành viên, Thẩm tra viên, Thư ký và các cán bộ, công chức khác trong các kỳ báo cáo, năm báo cáo.

2. Lập kế hoạch thi hành án và giao chỉ tiêu thực hiện nhiệm vụ tổ chức thi hành án hàng năm cho các cơ quan Thi hành án dân sự và Chấp hành viên.

3. Phân bổ biên chế; đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, điều động Chấp hành viên, Thẩm tra viên, cán bộ, công chức của cơ quan Thi hành án dân sự.

4. Tính chỉ tiêu thi đua, chỉ tiêu hoàn thành nhiệm vụ đối với cơ quan thi hành án dân sự.

5. Thực hiện chế độ tài chính trong thi hành án dân sự; xem xét quyết định việc đầu tư kinh phí xây dựng trụ sở, kho vật chứng, tài sản thi hành án; trang cấp phương tiện làm việc cho cơ quan Thi hành án dân sự địa phương.

6. Báo cáo Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Quốc hội và các cơ quan có thẩm quyền theo qui định của pháp luật.

7. Sử dụng vào các công việc khác nhằm mục đích quản lý, điều hành hoạt động thi hành án dân sự.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm thực hiện Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự

1. Tổng cục Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự.

2. Cục Thi hành án dân sự chịu trách nhiệm thực hiện và hướng dẫn, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Chế độ báo cáo thống kê đối với Chấp hành viên thuộc Cục Thi hành án dân sự và Chi cục Thi hành án dân sự cấp huyện.

3. Chi cục Thi hành án dân sự chịu trách nhiệm thực hiện và đôn đốc, kiểm tra các Chấp hành viên trong đơn vị mình về việc thực hiện Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự.

4. Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm thực hiện và giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra đôn đốc thực hiện Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự trong quân đội.

5. Phòng Thi hành án cấp quân khu chịu trách nhiệm thực hiện Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự và hướng dẫn, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự đối với Chấp hành viên do mình quản lý.

6. Chấp hành viên chịu trách nhiệm thực hiện Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự.

Điều 16. Quan hệ phối hợp trong thực hiện Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự

Mối quan hệ công tác giữa Tổng cục Thi hành án dân sự với các đơn vị có liên quan trong việc thực hiện Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định của Thông tư số 08/2011/TT-BTP ngày 05/4/2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung về công tác thống kê của ngành Tư pháp.

Điều 17. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự được khen thưởng theo quy định hiện hành.

2. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 20/1/2013... và thay thế Quyết định số 02/2006/QĐ-BTP ngày 14/4/2006 của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp ban hành Chế độ thống kê thi hành án dân sự.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc cần phản ánh kịp thời về Bộ Tư pháp đề nghiên cứu, giải quyết.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Bộ Quốc phòng;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Tổng cục Thống kê - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cơ quan Trung ương của các Đoàn thể;
- HĐND, UBND tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp;
- Sở Tư pháp tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Thi hành Bộ Quốc phòng;
- Công báo; Website Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, TCTHADS.

BỘ TRƯỞNG



Hà Hùng Cường

Phụ lục 1**HỆ THỐNG BIỂU MẪU THỐNG KÊ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ***(Ban hành kèm theo Thông tư số: 01/2013/TT-BTP ngày 03 tháng 01 năm 2013**của Bộ Tư pháp hướng dẫn Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự)*

Số TT	Tên biểu mẫu	Ký hiệu biểu mẫu	Thực hiện		
			Chấp hành viên	Chi cục Thi hành án dân sự	Cục Thi hành án dân sự
1	2	3	4	5	
1	Kết quả thi hành án dân sự tính bằng việc chủ động thi hành án	01/TK-THA	12 kỳ (từ Kỳ 1 tháng tới Kỳ 12 tháng)	Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng
2	Kết quả thi hành án dân sự tính bằng việc theo đơn yêu cầu thi hành án	02/TK-THA	12 kỳ (từ Kỳ 1 tháng tới Kỳ 12 tháng)	Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng
3	Kết quả thi hành án dân sự tính bằng tiền chủ động thi hành án	03/TK-THA	12 kỳ (từ Kỳ 1 tháng tới Kỳ 12 tháng)	Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng
4	Kết quả thi hành án dân sự tính bằng tiền theo đơn yêu cầu thi hành án	04/TK-THA	12 kỳ (từ Kỳ 1 tháng tới Kỳ 12 tháng)	Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng
5	Kết quả thi hành án dân sự tính bằng tiền theo tổ chức, cá nhân được thi hành án	05/TK-THA	Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng
6	Kết quả thi hành án dân sự tính bằng việc chia theo cơ quan Thi hành án và Chấp hành viên	06/TK-THA		12 kỳ (từ Kỳ 1 tháng tới Kỳ 12 tháng)	12 kỳ (từ Kỳ 1 tháng tới Kỳ 12 tháng)
7	Kết quả thi hành án dân sự tính bằng tiền chia theo cơ quan Thi hành án và Chấp hành viên	07/TK-THA		12 kỳ (từ Kỳ 1 tháng tới Kỳ 12 tháng)	12 kỳ (từ Kỳ 1 tháng tới Kỳ 12 tháng)
8	Số việc đề nghị Tòa án xét miễn, giảm và kết quả xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án dân sự	08/TK-THA		Kỳ 6 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 6 tháng, Kỳ 12 tháng
9	Số việc, tiền trong các bản án, quyết định Tòa án tuyên không rõ, có sai sót, cơ quan Thi hành án đã yêu cầu giải thích, kiến nghị và kết quả trả lời của Tòa án có thẩm quyền	09/TK-THA		Kỳ 6 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 6 tháng, Kỳ 12 tháng
10	Số việc cưỡng chế thi hành án không huy động lực lượng và có huy động lực lượng	10/TK-TIIA		Kỳ 6 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 6 tháng, Kỳ 12 tháng

11	Khiếu nại và giải quyết khiếu nại trong thi hành án dân sự	11/TK-TTIA		Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng
12	Tố cáo và giải quyết tố cáo trong thi hành án dân sự	12/TK-THA		Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng
13	Kết quả thực hiện chỉ tiêu biên chế và cơ cấu công chức của cơ quan Thi hành án dân sự	13/TK-THA			Kỳ 6 tháng, Kỳ 12 tháng
14	Trình độ công chức của cơ quan Thi hành án dân sự	14/TK-THA			Kỳ 6 tháng, Kỳ 12 tháng
15	Số cuộc giám sát và kết quả thực hiện kết luận giám sát	15/TK-THA		Kỳ 6 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 6 tháng, Kỳ 12 tháng
16	Số cuộc kiểm sát và kết quả kiểm sát	16/TK-THA		Kỳ 6 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 6 tháng, Kỳ 12 tháng
17	Số việc, số tiền trong bản án, quyết định có kháng nghị và kết quả xử lý kháng nghị của Tòa án và Viện Kiểm sát	17/TK-THA		Kỳ 6 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 6 tháng, Kỳ 12 tháng
18	Số việc, số tiền bồi thường của Nhà nước trong thi hành án dân sự	18/TK-THA		Kỳ 6 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 6 tháng, Kỳ 12 tháng
19	Số việc đôn đốc thi hành án hành chính	19/TK-THA		Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng

Biểu số: 01/TK-THA

Ban hành theo TT số: 01/2013/TT-BTP

ngày 03 tháng 01 năm 2013

Ngày nhận báo cáo:.....

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG VIỆC

Chủ động thi hành án

..... tháng / năm

Đơn vị báo cáo:

Đơn vị nhận báo cáo:.....

Đơn vị tính: Việc

Tên chỉ tiêu	Tổng số	Chia ra:									
		Số việc dân sự	Số việc dân sự trong hình sự			Số việc dân sự trong hành chính	Số việc hôn nhân và gia đình	Số việc kinh doanh và thương mại	Số việc lao động	Số việc phá sản	Số việc khác
			Tổng số	Số việc ma túy	Số việc khác						
A	i	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I Tổng số việc thụ lý											
1 Số việc năm trước chuyển sang											
2 Số việc mới thụ lý											
II Kết quả giải quyết											
1 Số việc có điều kiện giải quyết											
1.1 Số việc thi hành xong											
1.2 Số việc đình chỉ thi hành án											
1.3 Số việc ủy thác thi hành án											
1.4 Số việc miễn thi hành án											
1.5 Số việc giảm thi hành án											
1.6 Số việc đang thi hành dở dang											
1.7 Số việc chưa thi hành											
2 Số việc chưa có điều kiện giải quyết											
2.1 Số việc hoãn thi hành án											
2.2 Số việc tạm đình chỉ thi hành án											
2.3 Số việc lý do khác											
III Tỷ lệ số việc giải quyết xong/Số việc có điều kiện giải quyết(%)											

**PHÂN TÍCH MỘT SỐ TIÊU CHÍ TẠI TRANG 1
VIỆC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CHỦ ĐỘNG**

Chỉ tiêu A		Số lượng 1	Ghi chú 2
1	Số việc hoãn thi hành án		
1.1	Số việc hoãn theo điểm a K1 Điều 48		
1.2	Số việc hoãn theo điểm c K1 Điều 48		
1.3	Số việc hoãn theo điểm d K1 Điều 48		
1.4	Số việc hoãn theo điểm đ K1 Điều 48		
1.5	Số việc hoãn theo Khoản 2 Điều 48		
2	Số việc tạm đình chỉ thi hành án		
2.1	Số việc tạm đình chỉ theo Khoản 1 Điều 49		
2.2	Số việc tạm đình chỉ theo Khoản 2 Điều 49		
3	Số việc đình chỉ thi hành án		
3.1	Số việc đình chỉ theo điểm a Khoản 1 Điều 50		
3.2	Số việc đình chỉ theo điểm d Khoản 1 Điều 50		
3.3	Số việc đình chỉ theo điểm đ Khoản 1 Điều 50		
3.4	Số việc đình chỉ theo điểm e Khoản 1 Điều 50		
3.5	Số việc đình chỉ theo điểm g Khoản 1 Điều 50		
4	Số việc lý do khác		
4.1	Số việc bản án tuyên không rõ, khó thi hành		
4.2	Số việc tài sản phải giao chưa xử lý được		
4.3	Số việc chưa thống nhất ý kiến về quan điểm trong việc THA		

.....,ngày.....tháng.....năm

NGƯỜI LẬP BIỂU
(ký, họ tên)

.....,ngày.....tháng.....năm

CỤC TRƯỞNG (CHI CỤC TRƯỞNG)
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 02/TK-TTIA

Ban hành theo TT số: 01/2013/TT-BTP

ngày 03 tháng 01 năm 2013

Ngày nhận báo cáo:.....

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG VIỆC

Theo đơn yêu cầu thi hành án

.....tháng/năm

Đơn vị báo cáo:

Đơn vị nhận báo cáo:.....

Đơn vị tính: Việc

Tên chỉ tiêu	Tổng số	Số việc dân sự	Chia ra:									
			Số việc dân sự trong hình sự		Số việc dân sự trong hành chính	Số việc hôn nhân và gia đình	Số việc kinh doanh và thương mại	Số việc lao động	Số việc phá sản	Số việc khác		
			Tổng số	Số việc ma túy							Số việc khác	
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
I Tổng việc số thụ lý												
1 Số việc năm trước chuyển sang												
2 Số việc mới thụ lý												
II Kết quả giải quyết												
1 Số việc có điều kiện giải quyết												
1.1 Số việc thi hành xong												
1.2 Số việc đình chỉ thi hành án												
1.3 Số việc tỳ thác thi hành án												
1.4 Số việc trả đơn yêu cầu thi hành án												
1.5 Số việc đang thi hành dở dang												
1.6 Số việc chưa thi hành												
2 Số việc chưa có điều kiện giải quyết												
2.1 Số việc hoãn thi hành án												
2.2 Số việc tạm đình chỉ thi hành án												
2.3 Số việc lý do khác												
III Tỷ lệ số giải quyết xong/Số có điều kiện giải quyết(%)												

**PHÂN TÍCH MỘT SỐ TIÊU CHÍ TẠI TRANG 1
VIỆC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ THEO ĐƠN YÊU CẦU**

Chỉ tiêu		Số lượng	Ghi chú
A		1	2
1	Số việc hoãn thi hành án		
1.1	Số việc hoãn theo điểm a K1 Điều 48		
1.2	Số việc hoãn theo điểm b K1 Điều 48		
1.3	Số việc hoãn theo điểm c K1 Điều 48		
1.4	Số việc hoãn theo điểm d K1 Điều 48		
1.5	Số việc hoãn theo Khoản 2 Điều 48		
2	Số việc tạm đình chỉ thi hành án		
2.1	Số việc tạm đình chỉ theo Khoản 1 Điều 49		
2.2	Số việc tạm đình chỉ theo Khoản 2 Điều 49		
3	Số việc đình chỉ thi hành án		
3.1	Số việc đình chỉ theo điểm a Khoản 1 Điều 50		
3.2	Số việc đình chỉ theo điểm b Khoản 1 Điều 50		
3.3	Số việc đình chỉ theo điểm c Khoản 1 Điều 50		
3.4	Số việc đình chỉ theo điểm d Khoản 1 Điều 50		
3.5	Số việc đình chỉ theo điểm đ Khoản 1 Điều 50		
3.6	Số việc đình chỉ theo điểm g Khoản 1 Điều 50		
3.7	Số việc đình chỉ theo điểm h Khoản 1 Điều 50		
4	Số việc trả đơn yêu cầu thi hành án		
4.1	Số việc trả đơn yêu cầu THA theo điểm a Khoản 1 Điều 51		
4.2	Số việc trả đơn yêu cầu THA theo điểm b Khoản 1 Điều 51		
4.3	Số việc trả đơn yêu cầu THA theo điểm c Khoản 1 Điều 51		
4.4	Số việc trả đơn yêu cầu THA theo điểm d Khoản 1 Điều 51		
5	Số việc lý do khác		
5.1	Số việc bản án tuyên không rõ, khó thi hành		
5.2	Số việc tài sản phải giao chưa xử lý được		
5.3	Số việc chưa thống nhất ý kiến về quan điểm trong việc THA		

.....ngày.....tháng.....năm

NGƯỜI LẬP BIỂU

(ký, họ tên)

.....,ngày.....tháng.....năm

CỤC TRƯỞNG (CHI CỤC TRƯỞNG)

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 03/TK-THA

Ban hành theo TT số: 01/2013/TT-BTP

ngày 03 tháng 01 năm 2013

Ngày nhận báo cáo:.....

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG TIỀN

Chủ động thi hành án

..... tháng / năm.....

Đơn vị báo cáo:

.....

Đơn vị nhận báo cáo:.....

Đơn vị tính: .1000 đồng

Tên chỉ tiêu	Tổng số	Chia ra:										
		Số tiền dân sự	Số tiền dân sự trong hình sự		Số tiền dân sự trong hành chính	Số tiền hôn nhân và gia đình	Số tiền kinh doanh và thương mại	Số tiền lao động	Số tiền phá sản	Số tiền khác		
			Tổng số	Số tiền ma tuý							Số tiền khác	
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
I	Tổng số tiền thụ lý											
1	Số tiền năm trước chuyển sang											
2	Số tiền mới thụ lý											
II	Kết quả giải quyết											
1	Số tiền có điều kiện giải quyết											
1.1	Số tiền thi hành xong											
1.2	Số tiền đình chỉ thi hành án											
1.3	Số tiền hủy thác thi hành án											
1.4	Số tiền miễn thi hành án											
1.5	Số tiền giảm thi hành án											
1.6	Số tiền đang thi hành dở dang											
1.7	Số tiền chưa thi hành											
2	Số tiền chưa có điều kiện giải quyết											
2.1	Số tiền hoãn thi hành án											
2.2	Số tiền tạm đình chỉ thi hành án											
2.3	Số tiền lý do khác											
III	Tỷ lệ số giải quyết xong/Số có điều kiện giải quyết(%)											

**PHÂN TÍCH MỘT SỐ TIÊU CHÍ TẠI TRANG 1
TIỀN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CHỦ ĐỘNG**

Chỉ tiêu		Số lượng	Ghi chú
A		1	2
1	Số tiền hoãn thi hành án		
1.1	Số tiền hoãn theo điểm a K1 Điều 48		
1.2	Số tiền hoãn theo điểm c K1 Điều 48		
1.3	Số tiền hoãn theo điểm d K1 Điều 48		
1.4	Số tiền hoãn theo điểm đ K1 Điều 48		
1.5	Số tiền hoãn theo Khoản 2 Điều 48		
2	Số tiền tạm đình chỉ thi hành án		
2.1	Số tiền tạm đình chỉ theo Khoản 1 Điều 49		
2.2	Số tiền tạm đình chỉ theo Khoản 2 Điều 49		
3	Số tiền đình chỉ thi hành án		
3.1	Số tiền đình chỉ theo điểm a Khoản 1 Điều 50		
3.2	Số tiền đình chỉ theo điểm đ Khoản 1 Điều 50		
3.3	Số tiền đình chỉ theo điểm đ Khoản 1 Điều 50		
3.4	Số tiền đình chỉ theo điểm e Khoản 1 Điều 50		
3.5	Số tiền đình chỉ theo điểm g Khoản 1 Điều 50		
4	Số tiền lý do khác		
4.1	Số tiền bản án tuyên không rõ, khó thi hành		
4.2	Số tiền, tài sản phải giao chưa xử lý được		
4.3	Số tiền, tài sản chưa thống nhất ý kiến về quan điểm về việc FHA		

....., ngày.....tháng.....năm

NGƯỜI LẬP BIỂU

(ký, họ tên)

....., ngày.....tháng.....năm

CỤC TRƯỞNG (CHI CỤC TRƯỞNG)

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 04/PK-TTHA

Thực hành theo TT số: 01/2013/TT-BTP

ngày 03 tháng 01 năm 2013

Ngày nhận báo cáo:.....

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG TIỀN

Theo đơn yêu cầu thi hành án

.....tháng/năm

Đơn vị báo cáo:

Đơn vị nhận báo cáo:.....

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Tên chỉ tiêu	Tổng số	Số tiền dân sự	Chia ra:								
			Số tiền dân sự trong hình sự		Số tiền dân sự trong hành chính	Số tiền hôn nhân và gia đình	Số tiền kinh doanh và thương mại	Số tiền lao động	Số tiền phá sản	Số tiền khác	
			Tổng số	Chia ra:							
A	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Tổng số tiền thụ lý										
1	Số tiền năm trước chuyển sang										
2	Số tiền mới thụ lý										
II	Kết quả giải quyết										
1	Số tiền có điều kiện giải quyết										
1.1	Số tiền thi hành xong										
1.2	Số tiền đình chỉ thi hành án										
1.3	Số tiền tủy thác thi hành án										
1.4	Số tiền trả đơn yêu cầu thi hành án										
1.5	Số tiền đang thi hành dở dang										
1.6	Số tiền chưa thi hành										
2	Số tiền chưa có điều kiện giải quyết										
2.1	Số tiền hoãn thi hành án										
2.2	Số tiền tạm đình chỉ thi hành án										
2.3	Số tiền lý do khác										
III	Tỷ lệ số giải quyết xong/Số có điều kiện giải quyết(%)										

**PHÂN TÍCH MỘT SỐ TIÊU CHÍ TẠI TRANG 1
TIỀN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ THEO ĐƠN YÊU CẦU**

Chi tiêu		Số lượng	Ghi chú
A		1	2
1	Số tiền hoãn thi hành án		
1.2	Số tiền hoãn theo điểm a K1 Điều 48		
1.3	Số tiền hoãn theo điểm b K1 Điều 48		
1.4	Số tiền hoãn theo điểm d K1 Điều 48		
1.5	Số tiền hoãn theo điểm đ K1 Điều 48		
1.6	Số tiền hoãn theo Khoản 2 Điều 48		
2	Số tiền tạm đình chỉ thi hành án		
2.1	Số tiền tạm đình chỉ Khoản 1 Điều 49		
2.2	Số tiền tạm đình chỉ Khoản 2 Điều 49		
3	Số tiền đình chỉ thi hành án		
3.1	Số tiền đình chỉ theo điểm a Khoản 1 Điều 50		
3.2	Số tiền đình chỉ theo điểm b Khoản 1 Điều 50		
3.3	Số tiền đình chỉ theo điểm c Khoản 1 Điều 51		
3.4	Số tiền đình chỉ theo điểm d Khoản 1 Điều 50		
3.5	Số tiền đình chỉ theo điểm đ Khoản 1 Điều 50		
3.6	Số tiền đình chỉ theo điểm g Khoản 1 Điều 50		
4	Số tiền trả đơn yêu cầu thi hành án		
4.1	Số tiền trả đơn yêu cầu thi hành án theo điểm a Khoản 1 Điều 51		
4.2	Số tiền trả đơn yêu cầu thi hành án theo điểm b Khoản 1 Điều 51		
4.3	Số tiền trả đơn yêu cầu thi hành án theo điểm c Khoản 1 Điều 51		
4.4	Số tiền trả đơn yêu cầu thi hành án theo điểm đ Khoản 1 Điều 51		
5	Lý tiền do khác		
5.1	Số bản án, quyết định tuyên không rõ, khó thi hành		
5.2	Số tiền, tài sản phải giao chưa xử lý được		
5.3	Số tiền, tài sản chưa thông nhất ý kiến về quan điểm về việc THA		

....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU

(ký, họ tên)

....., ngày.....tháng.....năm.....

CỤC TRƯỞNG (CHI CỤC TRƯỞNG)

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 05/TK-THA

Ban hành theo TT số: 01/2013/TT-BTP

ngày 03 tháng 01 năm 2013

Ngày nhận báo cáo:.....

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG TIỀN

Theo tổ chức, cá nhân được thi hành án

.....tháng/năm

Đơn vị báo cáo:

Đơn vị nhận báo cáo:.....

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Tên chỉ tiêu	Tổng số	Chia ra:					
		Số tiền thu cho Ngân sách nhà nước				Số tiền thu cho cá nhân cơ quan, tổ chức	Số tiền thu khác
		Tổng số	Chia ra:				
			Số tiền thu án phí	Số tiền thu phạt	Số tiền thu tịch thu, truy thu, sung công		
1	2	3	4	5	6	7	
I	Tổng số tiền thu lý						
1	Số tiền năm trước chuyển sang						
2	Số tiền thụ lý mới						
II	Kết quả giải quyết						
1	Số tiền có điều kiện giải quyết						
1.1	Số tiền thi hành xong						
1.2	Số tiền đình chỉ thi hành án						
1.3	Số tiền ủy thác thi hành án						
1.4	Số tiền giảm thi hành án						
1.5	Số tiền miễn thi hành án						
1.6	Số tiền trả đơn yêu cầu thi hành án						
1.7	Số tiền đang thi hành dở dang						
1.8	Số tiền chưa thi hành						
2	Số tiền chưa có điều kiện giải quyết						
2.1	Số tiền hoãn thi hành án						
2.2	Số tiền tạm đình chỉ thi hành án						
2.3	Số tiền lý do khác						
III	Tỷ lệ số giải quyết xong/số có điều kiện giải quyết(%)						

..... ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU

(ký, họ)

....., ngày.....tháng.....năm

CỤC TRƯỞNG (CHI CỤC TRƯỞNG)

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 06/TK-THA

Ban hành theo TT số: 01/2013/TT-BTP
 ngày 03 tháng 01 năm 2013
 Ngày nhận báo cáo:.....

**KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG VIỆC
 CHIA THEO CƠ QUAN THI HÀNH ÁN VÀ CHẤP HÀNH VIÊN**
tháng/năm

Đơn vị gửi báo cáo.....

 Đơn vị nhận báo cáo.....

 Đơn vị tính: Việc

Tên đơn vị	Số việc thụ lý			Kết quả giải quyết												Tổng số việc chuyển kỳ sau	Tỷ lệ: việc giải quyết xong/ việc có điều kiện giải quyết (%)
	Tổng số	Chia ra:		Số việc có điều kiện giải quyết								Số việc chưa có điều kiện giải quyết					
		Số năm trước chuyển sang	Số việc mới thụ lý	Tổng số	Chia ra:							Tổng số	Chia ra:				
					Số việc ủy thác thi hành án	Số việc thi hành xong	Số việc đình chỉ thi hành án	Số việc trả đơn yêu cầu thi hành án	Số việc miễn thi hành án	Số việc thi hành dở dang	Số việc chưa thi hành		Số việc hoãn thi hành án	Số việc tạm đình chỉ thi hành án	Số việc lý do khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
A																	
Tổng số																	
1 Cục Thi hành án DS																	
1 Chấp hành viên ...																	
2 Chấp hành viên ...																	
...																	
4 Các Chi cục THA DS																	
1 Chi cục THA ...																	
1.1 Chấp hành viên ...																	
1.2 Chấp hành viên...																	
...																	
2 Chi cục THA ...																	
2.1 Chấp hành viên ...																	
2.2 Chấp hành viên...																	
...																	
3 Chi cục THA ...																	
...																	

..... ngày... thángnăm
NGƯỜI LẬP BIỂU
 (ký, họ tên)

..... ngày..... tháng..... năm
CỤC TRƯỞNG (CHI CỤC TRƯỞNG)
 (ký, họ tên, đóng dấu)

Điện số: 07/TK-THA

Ban hành theo TT số: 01/2013/TT-BTP
 ngày 03 tháng 01 năm 2013
 Ngày nhận báo cáo:.....

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG TIỀN
CHIA THEO CƠ QUAN THI HÀNH ÁN VÀ CHẤP HÀNH VIÊN
tháng/năm

Đơn vị gửi báo cáo.....

 Đơn vị nhận báo cáo.....

 Đơn vị tính: 1.000 đồng

Tên đơn vị	Số tiền thụ lý			Kết quả giải quyết												Tỷ lệ: tiền giải quyết xong/ tiền có điều kiện giải quyết (%)	
	Tổng số	Chia ra:		Số tiền có điều kiện giải quyết								Số tiền chưa có điều kiện giải quyết					Tổng số tiền chuyển kỳ sau
		Số tiền năm trước chuyển sang	Số tiền mới thụ lý	Tổng số	Chia ra:							Tổng số	Chia ra:				
					Số tiền ủy thác thi hành án	Số tiền thi hành xong	Số tiền đình chỉ thi hành án	Số tiền trả đơn yêu cầu	Số tiền miễn, giảm thi hành án dân	Số tiền thi hành dở dang	Số tiền chưa thi hành		Số tiền hoãn thi hành án	Số tiền tạm đình chỉ thi hành án	Số tiền lý do khác		
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Tổng số																	
1 Cục Thi hành án DS																	
1 Chấp hành viên..																	
2 Chấp hành viên...																	
...																	
1 Các Chi cục THADS																	
1 Chi cục THA...																	
1 Chấp hành viên...																	
1 Chấp hành viên...																	
...																	
2 Chi cục THA...																	
2 Chấp hành viên...																	
2 Chấp hành viên...																	
...																	

..... ngày... thángnăm

NGƯỜI LẬP BIỂU

(ký, họ)

.....,ngày..... tháng..... năm

CỤC TRƯỞNG (CHI CỤC TRƯỞNG)

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 08/TK-THA

Ban hành theo TT số: 01/2013/TT-BTP

ngày 03 tháng 01 năm 2013

Ngày nhận báo cáo:.....

**SỐ VIỆC ĐỀ NGHỊ TÒA ÁN XÉT MIỄN, GIẢM VÀ KẾT QUẢ
XÉT MIỄN, GIẢM NGHĨA VỤ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

....tháng/năm.....

Đơn vị gửi báo cáo.....

Đơn vị nhận báo

Đơn vị tính: Việc và 1.000 đồng

Tên đơn vị	Tổng số việc và số tiền đã đề nghị Tòa án xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án dân sự				Chia ra:							
					Số việc và tiền đã đề nghị Tòa án xét miễn nghĩa vụ thi hành án dân sự và kết quả xét miễn				Số việc và tiền đã đề nghị Tòa án xét giảm nghĩa vụ thi hành án dân sự và kết quả xét giảm			
	Tổng số đã đề nghị xét miễn, giảm		Tổng số đã xét miễn, giảm		Số đã đề nghị xét miễn		Số đã xét miễn		Số đã đề nghị giảm		Số đã giảm	
	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Tổng số												
I	Cục Thi hành án DS											
II	Các Chi cục THADS											
1	Chi cục Thi hành án...											
2	Chi cục Thi hành án...											
3	Chi cục Thi hành án...											
...	...											

....., ngày... thángnăm

NGƯỜI LẬP BIỂU

(ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm

CỤC TRƯỞNG (CHI CỤC TRƯỞNG)

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 09/TK-THA

Ban hành kèm theo TT số 01/2013/TT-BTP ngày 03 tháng 01 năm 2013

Ngày nhận báo cáo.....

**SỐ VIỆC, SỐ TIỀN TRONG CÁC BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH TOÀ ÁN TUYÊN
KHÔNG RÕ, CÓ SAI SÓT, CƠ QUAN THI HÀNH ÁN ĐÃ YÊU CẦU GIẢI
THÍCH, KIẾN NGHỊ VÀ KẾT QUẢ TRẢ LỜI CỦA TÒA ÁN CÓ THẨM
QUYỀN**
tháng/năm

Đơn vị gửi báo cáo.....

Đơn vị nhận báo cáo.....

Đơn vị tính Việc và 1.000 đồng

Tên đơn vị	Số việc, tiền trong bản án, quyết định tuyên không rõ, có sai sót, cơ quan Thi hành án đã có văn bản yêu cầu đính chính, giải thích và kết quả trả lời của cơ quan có thẩm quyền							Số việc, tiền cơ quan thi hành án kiến nghị cơ quan có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm và kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền						
	Số việc				Số tiền			Số việc			Số tiền			
	Tổng số việc đã đề nghị đính chính, giải thích	Kết quả trả lời của cơ quan có thẩm quyền			Tổng số tiền đã đề nghị đính chính, giải thích	Kết quả trả lời của cơ quan có thẩm quyền		Tổng số	Kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền		Số tiền trong các bản án, quyết định có căn cứ giám đốc thẩm, tái thẩm	Kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền		
		Số đã trả lời	Số trả lời chưa rõ	Số chưa trả lời		Số đã trả lời	Số trả lời chưa rõ		Số chưa trả lời	Số đã kháng nghị		Số chưa kháng nghị	Số đã kháng nghị	Số chưa kháng nghị
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Tổng số														
I Cục Thi hành án DS														
II Các Chi cục THADS														
1 Chi cục Thi hành án...														
2 Chi cục Thi hành án...														
3 Chi cục Thi hành án...														

..... ngày.....tháng.....năm

NGƯỜI LẬP BIỂU
(ký, họ tên)

..... ngày... tháng.....năm.....

CỤC TRƯỞNG (CHI CỤC TRƯỞNG)
(ký, họ tên, đóng dấu)

Điều số: 10/TK-TTHA

Ban hành kèm theo TT số 01/2013/TT-BTP

ngày 03 tháng 01 năm 2013

Ngày nhận báo cáo:.....

SỔ VIỆC CƯỠNG CHẾ THI HÀNH ÁN KHÔNG HUY ĐỘNG LỰC LƯỢNG VÀ CÓ HUY ĐỘNG LỰC LƯỢNG

.....tháng/năm.....

Đơn vị gửi báo cáo:.....

Đơn vị nhận báo

Đơn vị tính: Việc

Tên đơn vị	Tổng số việc đã ra quyết định cưỡng chế	Số việc đã ra quyết định cưỡng chế						Kết quả cưỡng chế			
		Số việc cưỡng chế không huy động lực lượng	Chia ra:				Chia ra:				
			Tổng số việc cưỡng chế có huy động lực lượng	Chia ra:						Số việc đương sự tự nguyện thi hành trước khi cưỡng chế	Số việc cưỡng chế thành công
				Số việc huy động lực lượng dưới 10 người	Số việc huy động lực lượng từ 10 đến dưới 20 người	Số việc huy động lực lượng từ 20 đến dưới 50 người	Số việc huy động lực lượng từ 50 người trở lên				
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
Tổng số											
1	Cục Thi hành án DS										
11	Các Chi cục THADS										
1	Chi cục THADS...										
2	Chi cục THADS...										
3	Chi cục THADS...										
...	...										

....., ngày... tháng... năm

NGƯỜI LẬP BIỂU

(ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm

CỤC TRƯỞNG (CHI CỤC TRƯỞNG)

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 11/TK-THA

Ban hành kèm theo TT số: 01/2013/TT-BTP

ngày 03 tháng 01 năm 2013

Ngày nhận báo cáo:.....

KHIẾU NẠI VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

.....tháng/năm

Đơn vị gửi báo cáo.....

Đơn vị nhận báo cáo.....

Đơn vị tính: Việc, đơn

Tên đơn vị	Tổng số đơn tiếp nhận (Đơn)			Số việc tiếp nhận (Việc)										Kết quả giải quyết số việc thuộc thẩm quyền (Việc)					
				Chia theo thời điểm thụ lý			Chia theo thẩm quyền giải quyết							Tổng số	Chia ra:				
	Số việc thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan THADS						Số việc thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan khác				Số đình chỉ	Số khiếu nại đúng toàn bộ	Số khiếu nại đúng một phần		Số khiếu nại sai toàn bộ	Số chưa giải quyết chuyển kỳ sau			
				Tổng số	Số năm trước chuyển sang	Số mới nhận	Tổng số	Số khiếu nại hành vi và quyết định của Chấp hành viên	Số KN hành vi và QĐ của Thủ trưởng cơ quan THA	Số chuyên cơ quan có thẩm quyền khác giải quyết							Số chuyên cơ quan THA cấp dưới trực tiếp giải quyết	Số chưa chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết	
Tổng số	Số năm trước chuyển sang	Số mới nhận	Tổng số								Số chuyên cơ quan có thẩm quyền khác giải quyết	Số chuyên cơ quan THA cấp dưới trực tiếp giải quyết	Số chưa chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết						
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
Tổng số																			
I Cục Thi hành án DS																			
II Các Chi cục THADS																			
1 Chi cục THADS...																			
2 Chi cục THADS...																			

....., ngày..... tháng năm

NGƯỜI LẬP BIỂU

(ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm

CỤC TRƯỞNG (CHI CỤC TRƯỞNG)

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 12/TK-THA

Ban hành kèm theo TT số: 01/2013/TT-BTP

ngày 03 tháng 01 năm 2013

Ngày nhận báo cáo:.....

TỔ CÁO VÀ GIẢI QUYẾT TỔ CÁO TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

.....tháng/năm

Đơn vị gửi báo cáo.....

.....

Đơn vị nhận báo cáo.....

.....

Đơn vị tính: việc và đơn

Tên đơn vị	Tổng số đơn tiếp nhận (Đơn)			Số việc tiếp nhận(Việc)										Kết quả giải quyết số việc thuộc thẩm quyền (Việc)					
				Chia theo thời điểm thụ lý			Chia theo thẩm quyền giải quyết							Tổng số	Chia ra:				
	Số việc thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan THADS						Số việc thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan khác				Số đình chỉ	Số tố cáo đúng toàn bộ	Số tố cáo đúng một phần		Số tố cáo sai toàn bộ	Số tố cáo chưa giải quyết chuyển kỳ sau			
				Số việc trước chuyển sang	Số việc mới nhận	Số việc tố cáo hành vi và quyết định của CHV	Số tố cáo hành vi và quyết định của Thủ trưởng cơ quan THA	Số hướng dẫn và chuyển cơ quan có thẩm quyền khác giải quyết	Số hướng dẫn và chuyển cơ quan Thi hành án cấp dưới trực tiếp giải quyết	Số chưa chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết									
Tổng số đơn tiếp nhận	Số đơn năm trước chuyển sang	Số đơn mới nhận	Tổng số việc								Số việc trước chuyển sang	Số việc mới nhận	Tổng số việc	Số việc tố cáo hành vi và quyết định của CHV	Số tố cáo hành vi và quyết định của Thủ trưởng cơ quan THA	Tổng số việc	Số hướng dẫn và chuyển cơ quan có thẩm quyền khác giải quyết	Số hướng dẫn và chuyển cơ quan Thi hành án cấp dưới trực tiếp giải quyết	Số chưa chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
I Cục Thi hành án DS																			
II Các Chi cục THADS																			
1 Chi cục THADS...																			
2 Chi cục THADS...																			
3 Chi cục THADS...																			
...																			

....., ngày.....tháng năm

NGƯỜI LẬP BIỂU
(ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm

CỤC TRƯỞNG (CHI CỤC TRƯỞNG)
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 13/TK-THA

Ban hành kèm theo TT số: 01/2013/TT-BTP

ngày 03 tháng 01 năm 2013

Ngày nhận báo cáo:.....

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU BIÊN CHẾ VÀ CƠ CẤU CÔNG CHỨC CỦA CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

.....tháng/năm

Đơn vị gửi báo cáo.....

.....

Đơn vị nhận báo cáo.....

.....

Đơn vị tính: Người

Tên đơn vị	Số biên chế được giao	Số biên chế đã thực hiện															Số biên chế chưa thực hiện	
		Tổng số	Chia ra:															
			Chấp hành viên trong đó:			Thẩm tra viên trong đó:			Thư ký THA trong đó:		Chuyên viên trong đó:			Cán sự và tương đương	Kế toán	Thống kê viên		Công chức khác
Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	TTr VCC	TTrVC	TTr viên	Trung cấp	Thư ký	CV CC	CVC	CV								
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Tổng số																		
I	Cục Thi hành án DS																	
II	Các Chi cục THADS																	
1	Chi cục THADS...																	
2	Chi cục THADS...																	
3	Chi cục THADS...																	
...	...																	

....., ngày.....tháng năm

NGƯỜI LẬP BIỂU

(ký, họ tên)

....., ngày.....tháng năm

CỤC TRƯỞNG

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 14/TK-THA
 Ban hành kèm theo TT số: 01/2013/TT-BTP
 ngày 03 tháng 01 năm 2013
 Ngày nhận báo cáo:.....

**TRÌNH ĐỘ CÔNG CHỨC
 CỦA CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**
tháng/năm

Đơn vị gửi báo cáo.....

 Đơn vị nhận báo cáo.....

 Đơn vị tính: Người

Tên đơn vị	Tổng số	Chia theo trình độ chuyên môn							Chia theo số được đào tạo, bồi dưỡng về nghề, chính trị, quản lý nhà nước										
		Chia ra:								Quản lý NN trong đó:			Chính trị trong đó:			Chấp hành viên	Thẩm tra viên	Thư ký	Khác
		Số công chức trên đại học		Số công chức đại học		Số công chức trung cấp		Số công chức khác											
		Ngành Luật	Ngành khác	Ngành Luật	Ngành khác	Ngành Luật	Ngành khác		CC	CVC	CV	CC	TC	SC					
A	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
Tổng cộng																			
I	Cục Thi hành án DS																		
II	Các Chi cục THADS																		
1	Chi cục THADS...																		
2	Chi cục THADS...																		
3	Chi cục THADS...																		
...	...																		

..... ngày..... tháng năm
NGƯỜI LẬP BIỂU
 (ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm
CỤC TRƯỞNG
 (ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 15/TK-THA

Ban hành kèm theo TT số 01/2013/TT-BTP

ngày 03 tháng 01 năm 2013

Ngày nhận báo cáo:.....

SỔ CUỘC GIÁM SÁT VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

KẾT LUẬN GIÁM SÁT

.....tháng/năm.....

Đơn vị gửi báo cáo:.....

Đơn vị nhận báo cáo:.....

.....

Đơn vị tính: Cuộc giám sát

Tên đơn vị	Tổng số	Chia theo cơ quan tiến hành giám sát				Chia theo kết quả giám sát		Kết quả thực hiện kết luận giám sát		
		Quốc hội	Hội đồng nhân dân	Mặt trận Tổ Quốc	Cơ quan khác	Số cuộc giám sát đã có kết luận	Số cuộc giám sát chưa có kết luận	Kết luận đúng và thực hiện	Kết luận đúng một phần, đã thực hiện và giải trình	Giải trình toàn bộ kết luận
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Tổng cộng										
I	Cục Thi hành án dân sự									
II	Các Chi cục THADS									
1	Chi cục THADS...									
2	Chi cục THADS...									
3	Chi cục THADS...									
...	...									

....., ngày.....tháng

NGƯỜI LẬP BIỂU

(ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm

CỤC TRƯỞNG (CHI CỤC TRƯỞNG)

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 16/TK-THA

Ban hành kèm theo TT số 01/2013/TT-BTP

ngày 03 tháng 01 năm 2013

Ngày nhận báo cáo:.....

SỔ CUỘC KIỂM SÁT VÀ KẾT QUẢ KIỂM SÁT

.....tháng/năm

Đơn vị gửi báo cáo.....

Đơn vị nhận báo cáo.....

Đơn vị tính: Cuộc

Tên đơn vị	Tổng số	Chia theo cơ quan kiểm sát			Chia theo kết quả kiểm sát						
		Chia ra:			Tổng số	Chia ra:					
		Viện KSND tối cao	Viện KSND cấp tỉnh	Viện KSND cấp huyện		Số kháng nghị đúng được cơ quan THA chấp nhận	Số kháng nghị không đúng không được cơ quan THA chấp nhận	Số kháng nghị có đúng và không đúng được cơ quan THA chấp nhận một phần	Số không có kháng nghị	Số có văn bản kiến nghị	
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
Tổng số											
I	Cục Thi hành án DS										
II	Các Chi cục THADS										
1	Chi cục THADS...										
2	Chi cục THADS...										
3	Chi cục THADS...										
...	...										

..... ngày..... tháng

NGƯỜI LẬP BIỂU

(ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm

CỤC TRƯỞNG (CHI CỤC TRƯỞNG)

(ký, họ tên, đóng dấu)

Điều số: 17/TK-THA

Ban hành kèm theo TT số 01/2013/TT-BTP

ngày 03 tháng 01 năm 2013

Ngày nhận báo cáo:.....

**SỐ VIỆC, SỐ TIỀN TRONG CÁC BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH
KHÁNG NGHỊ VÀ KẾT QUẢ XỬ LÝ KHÁNG NGHỊ
CỦA TOÀ ÁN VÀ VIỆN KIỂM SÁT**

Đơn vị gửi báo cáo.....

Đơn vị nhận báo cáo.....

Đơn vị tính: việc và 1.000 đồng

Tên đơn vị	Tổng số		Chia ra:															
	Số việc bị kháng nghị	Số tiền bị kháng nghị	Số việc và số tiền do Tòa án kháng nghị								Số việc và số tiền do Viện kiểm sát kháng nghị							
			Số việc và số tiền bị kháng nghị		Số việc và số tiền bị kháng nghị đã được giải quyết						Số việc và số tiền bị kháng nghị		Số việc và số tiền bị kháng nghị đã được giải quyết					
			Số việc	Số tiền	Chấp nhận toàn bộ		Chấp nhận một phần		Không chấp nhận		Số việc	Số tiền	Chấp nhận toàn bộ		Chấp nhận một phần		Không chấp nhận	
Số việc	Số tiền	Số việc			Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc			Số tiền	Số việc	Số tiền			
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Tổng số																		
1 Cục Thi hành án DS																		
11 Các Chi cục THADS																		
1 Chi cục THADS...																		
2 Chi cục THADS...																		
3 Chi cục THADS...																		

....., ngày tháng..... năm

NGƯỜI LẬP BIỂU

(ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm

CỤC TRƯỞNG (CHI CỤC TRƯỞNG)

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 18/TK-THA

Ban hành kèm theo TT số 01/2013/TT-BTP

ngày 03 tháng 01 năm 2013

Ngày nhận báo cáo:.....

**SỐ VIỆC, SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG CỦA NHÀ NƯỚC
TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

....tháng/năm.....

Đơn vị gửi báo cáo.....

Đơn vị nhận báo cáo.....

Đơn vị tính: Việc và 1.000 đồng

Tên đơn vị	Số việc và số tiền bồi thường của nhà nước trong THADS được thụ lý						Kết quả giải quyết			
	Tổng số		Chia ra:				Số việc, số tiền đã xét bồi thường		Số việc, số tiền chưa xét bồi thường	
			Số năm trước chuyển sang		Số thụ lý mới					
Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Tổng số										
I	Cục Thi hành án DS									
II	Các Chi cục THADS									
1	Chi cục THADS...									
2	Chi cục THADS...									
3	Chi cục THADS...									
...	...									

....., ngày tháng..... năm

NGƯỜI LẬP BIỂU

(ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm

CỤC TRƯỞNG (CHI CỤC TRƯỞNG)

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 19/TK-THA

Ban hành theo TT số: 01/2013/TT-BTP

ngày 03 tháng 01 năm 2013

Ngày nhận báo cáo:.....

SỐ VIỆC ĐƠN ĐỐC THI HÀNH ÁN HÀNH CHÍNH

.....tháng/năm

Đơn vị báo cáo:

Đơn vị nhận báo cáo:.....

Đơn vị tính: Việc

Tên đơn vị	Số việc phải đơn đốc thi hành án hành chính đã nhận			Kết quả đơn đốc thi hành án hành chính			Số văn bản thông báo kết quả thi hành án nhận được	
	Tổng số	Chia ra:		Tổng số	Chia ra:			Số việc chưa có văn bản đơn đốc
		Số việc năm trước chuyển sang	Số việc mới thụ lý		Số việc thi hành xong	Số việc chưa thi hành xong		
A	1	2	3	4	5	6	7	8
Tổng Số								
I	Cục Thi hành án dân sự							
II	Các Chi cục THADS							
1	Chi cục THADS...							
2	Chi cục THADS...							
3	Chi cục THADS...							
...	...							

..... ngày..... tháng năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU

(ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm

CỤC TRƯỞNG (CHI CỤC TRƯỞNG)

(ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 01/2013/TT-BTP ngày 03 tháng 01 năm 2013 của Bộ Tư pháp hướng dẫn Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự)

HƯỚNG DẪN GHI CHÉP BIỂU MẪU VÀ CÁCH TÍNH MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO THỐNG KÊ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Phần 1 GHI CHÉP BIỂU MẪU

Để đảm bảo các số liệu trong Biểu mẫu thống kê phản ánh chính xác, khách quan, đầy đủ, kịp thời tình hình hoạt động thi hành án dân sự, quá trình lập báo cáo thống kê thi hành án dân sự, Chấp hành viên, các cơ quan quản lý thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự cần tuân thủ một số vấn đề sau:

I. GIẢI THÍCH MỘT SỐ THUẬT NGỮ VÀ CÁCH TÍNH

1. Việc thi hành án dân sự, mỗi quyết định thi hành án được tính là một việc thi hành án. Đối với việc đơn đốc thi hành án hành chính, mỗi văn bản đơn đốc được tính là một việc thi hành án. Trường hợp thi hành án phá sản, mỗi vụ phá sản được tính là một việc thi hành án.
2. Việc cưỡng chế, một quyết định cưỡng chế thi hành án được tính là một việc cưỡng chế;
3. Việc khiếu nại, tố cáo, mỗi trường hợp khiếu nại, tố cáo (một hoặc nhiều đơn nhưng trùng lặp nội dung) được thụ lý được tính là một việc khiếu nại, tố cáo;
4. Cuộc giám sát, kiểm sát, mỗi một quyết định, thông báo giám sát, kiểm sát của cơ quan có thẩm quyền được tính là một cuộc giám sát, kiểm sát;
5. Tiền tính theo nghìn Việt Nam đồng (1.000 đồng). Đối với những tài sản tiêu hủy, không có giá trị hoặc tài sản không tính được bằng giá trị thì tính là 1.000 đồng (một nghìn đồng);
6. Việc bồi thường của Nhà nước, mỗi một quyết định thụ lý được tính là một việc bồi thường của Nhà nước;
7. Biên chế, được tính bằng người.
8. Việc có điều kiện giải quyết là việc mà người phải thi hành án có tài sản hoặc có đủ điều kiện để thực hiện nghĩa vụ về hành vi theo nội dung bản án, quyết định

hoặc có căn cứ để áp dụng các biện pháp đình chỉ, trả đơn, miễn, giảm hoặc ủy thác thi hành án.

9. Việc chưa có điều kiện giải quyết là việc mà người phải thi hành án chưa có tiền, tài sản, thu nhập và các điều kiện khác để thi hành án hoặc có tài sản, nhưng tài sản có giá trị quá nhỏ, không đủ chi phí cưỡng chế thi hành án, tài sản thuộc diện không được kê biên hoặc theo quy định của pháp luật, cơ quan Thi hành án dân sự phải ra quyết định hoãn, tạm đình chỉ việc thi hành án.

10. Việc thi hành xong là việc chấp hành viên đã tổ chức thi hành xong toàn bộ các quyền, nghĩa vụ trong bản án, quyết định của Tòa án và quyết định thi hành án, hoặc việc đã tổ chức thi hành xong một phần quyền, nghĩa vụ, nhưng phần còn lại đã ủy thác, đình chỉ, miễn thi hành án, trả đơn yêu cầu thi hành án và đã xóa sổ thụ lý thi hành án.

11. Tiền thi hành xong là số tiền hoặc tài sản (được quy đổi thành tiền) cơ quan Thi hành án đã thu và chi trả cho đương sự hoặc nộp vào ngân sách nhà nước theo nội dung bản án, quyết định.

12. Việc giải quyết xong

Trường hợp chủ động thi hành án, việc giải quyết xong là việc đã giải quyết xong và được xóa sổ thụ lý thi hành án, bao gồm số ủy thác, số thi hành xong, số đình chỉ, số miễn, giảm thi hành án;

Trường hợp thi hành án theo đơn yêu cầu thi hành án, việc giải quyết xong là việc đã xóa sổ thụ lý thi hành án, bao gồm: số ủy thác, số thi hành xong, số đình chỉ, số trả đơn yêu cầu thi hành án.

13. Việc chưa giải quyết xong là việc chưa được xóa sổ thụ lý thi hành án, phải chuyển sang kỳ sau thi hành tiếp.

14. Số tiền giải quyết xong (bao gồm tiền và giá trị tài sản)

Trường hợp chủ động thi hành án, số tiền giải quyết xong là số tiền đã được chấp hành viên xử lý xong, bao gồm số tiền ủy thác, đình chỉ, miễn, giảm thi hành án và số tiền, tài sản đã thi hành xong (thu nộp ngân sách và chi trả cho người được thi hành án theo nội dung bản án, quyết định);

Trường hợp thi hành án theo đơn yêu cầu, tiền giải quyết xong là số tiền chấp hành viên đã xử lý xong, bao gồm số tiền ủy thác, đình chỉ, trả đơn yêu cầu thi hành án và số tiền, tài sản thi hành xong (thu và chi trả cho người được thi hành án theo nội dung bản án, quyết định).

15. Số tiền chưa giải quyết xong (bao gồm cả giá trị tài sản)

Trường hợp chủ động thi hành án, tiền chưa giải quyết xong là số tiền chấp hành viên còn phải tiếp tục thi hành, bao gồm số tiền đang thi hành dở dang, chưa thi hành được và số tiền đang trong thời gian hoãn, tạm đình chỉ, số tiền, tài sản thuộc các trường hợp lý do khác theo quy định tại tiết 20.1, 20.2 Mục này.

Trường hợp thi hành án theo đơn yêu cầu thi hành án, tiền chưa giải quyết xong là số tiền chấp hành viên còn phải tiếp tục thi hành, bao gồm số tiền thi hành dở dang, chưa thi hành được và số tiền đang trong thời gian hoãn, tạm đình chỉ thi hành án, số tiền thuộc các trường hợp lý do khác theo quy định tại tiết 20.1, 20.2 Mục này.

16. Việc thi hành dở dang là việc có điều kiện giải quyết, chấp hành viên đang tổ chức thi hành án.

17. Việc chưa thi hành là số việc cơ quan Thi hành án dân sự mới tiếp nhận và ra quyết định thi hành án tại thời điểm khóa sổ làm báo cáo thống kê thi hành án dân sự, vẫn còn đang trong thời hạn tự nguyện thi hành án.

18. Tiền thi hành án dở dang là số tiền tương ứng với việc thi hành án dở dang đang được Chấp hành viên tổ chức thi hành.

19. Số tiền chưa thi hành là số tiền tương ứng với số việc chưa thi hành, cơ quan Thi hành án dân sự mới tiếp nhận và ra quyết định thi hành án tại thời điểm khóa sổ làm báo cáo thống kê thi hành án dân sự, vẫn còn đang trong thời hạn tự nguyện thi hành án.

20. Số lý do khác

Là số chưa có điều kiện giải quyết, bao gồm:

20.1. Tài sản phải giao chưa xử lý được, là việc thi hành án mà theo nội dung bản án, quyết định cơ quan Thi hành án phải giao tài sản, giao nhà, giao quyền sử dụng đất hoặc xử lý tài sản để sung công nhưng chưa thể xử lý được do cơ quan điều tra, Tòa án, Viện Kiểm sát và các cơ quan có liên quan chưa chuyển giao tài sản, chuyển giao tài sản không đầy đủ, chuyển giao tài sản, nhưng không chuyển hoặc chuyển không đầy đủ giấy tờ có liên quan đến việc xử lý tài sản.

20.2. Việc chưa thống nhất ý kiến là việc thi hành án còn có quan điểm khác nhau giữa cơ quan Thi hành án với các cơ quan có liên quan đến việc thi hành án (thể hiện qua các tài liệu như biên bản làm việc, biên bản họp liên ngành, các văn bản, tài

liệu trao đổi giữa cơ quan Thi hành án với các cơ quan hữu quan nhưng không thống nhất được ý kiến) khiến cho việc thi hành án không thể thi hành được.

II. GHI CHÉP

1. Biểu mẫu số 01/TK-THA

1.1. Nội dung

Phản ánh kết quả thi hành án về việc thuộc diện chủ động thi hành án dân sự trong kỳ báo cáo của Chấp hành viên, của Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự và của từng đơn vị cấp tỉnh.

1.2. Tổ chức, cá nhân thực hiện biểu mẫu

Biểu này được sử dụng cho Chấp hành viên, Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

1.3. Ghi chép và nguồn số liệu

a) Đối với các biểu mẫu do Chấp hành viên lập

Biểu mẫu do Chấp hành viên lập số liệu được tổng hợp từ các loại sổ sách về thi hành án và các tài liệu trong hồ sơ thi hành án như: quyết định thi hành án và các loại quyết định về thi hành án; các loại biên bản... và các tài liệu khác trong hồ sơ thi hành án.

b) Đối với biểu mẫu do Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự lập

Biểu mẫu do Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự lập số liệu tổng hợp từ các báo cáo của Chấp hành viên thuộc đơn vị mình.

Biểu mẫu do Cục Thi hành án dân sự lập để báo cáo kết quả thi hành án của toàn tỉnh được tổng hợp từ biểu mẫu của Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

c) Ghi chép

Đối với việc uỷ thác thi hành án, chỉ thống kê đối với việc đã ra quyết định thi hành án;

Điểm 4.1 (trang 2) chỉ thống kê những việc cơ quan Thi hành án dân sự chưa ra quyết định hoãn thi hành án;

Số việc đình chỉ tại điểm 1.2, Mục II không bao gồm việc miễn thi hành án tại điểm 1.4, Mục II (trang 1).

Cột số 1 = Cột 2 + Cột 3 + Cột 6 + Cột 7 + Cột 8 + Cột 9 + Cột 11. Trong đó, Cột 3 = Cột 4 + Cột 5.

2. Biểu mẫu số 02/TK-THA

2.1. Nội dung

Phản ánh kết quả thi hành án về việc thuộc diện thi hành án theo đơn yêu cầu của đương sự trong kỳ báo cáo của Chấp hành viên, của Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự và của từng tỉnh.

2.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng biểu mẫu

Biểu này được sử dụng cho Chấp hành viên, Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

2.3. Ghi chép và nguồn số liệu

“Việc ghi chép, tổng hợp số liệu được thực hiện tương tự Biểu mẫu số 01/TK-THA. Riêng Điểm 5.1 (trang 2) chỉ thống kê đối với những việc cơ quan Thi hành án chưa ra quyết định hoãn thi hành án, tạm đình chỉ thi hành án”.

3. Biểu mẫu số 03/TK-THA

3.1. Nội dung

Phản ánh kết quả thi hành án về tiền thuộc diện chủ động thi hành án dân sự trong kỳ báo cáo của Chấp hành viên, của Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự và của từng đơn vị cấp tỉnh.

3.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng biểu mẫu

Biểu này được sử dụng cho Chấp hành viên, Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

3.3. Ghi chép và nguồn số liệu

Việc ghi chép và tổng hợp số liệu được thực hiện tương tự Biểu mẫu số 01/TK-THA. Riêng số tiền đình chỉ tại điểm 1.2, Mục II không bao gồm số tiền miễn, giảm tại điểm 1.2, 1.5 Mục II (trang 1).

4. Biểu mẫu số 04/TK-THA

4.1. Nội dung

Phản ánh số kết quả thi hành án về tiền thuộc diện thi hành án theo đơn yêu cầu của đương sự trong kỳ báo cáo của Chấp hành viên, của Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự và của từng đơn vị cấp tỉnh.

4.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng biểu mẫu

Biểu này được sử dụng cho Chấp hành viên, Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

4.3. Ghi chép và nguồn số liệu

Việc ghi chép và tổng hợp số liệu được thực hiện tương tự Biểu mẫu số 02/TK-THA.

5. Biểu mẫu số 05/TK-THA

5.1. Nội dung

Phản ánh kết quả thi hành các khoản thu về tiền cho Nhà nước, cho cơ quan, tổ chức và cá nhân trong từng kỳ báo cáo của Chấp hành viên, của Chi cục Thi hành án dân sự, của Cục Thi hành án dân sự và của từng đơn vị cấp tỉnh.

5.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng

Biểu này được sử dụng cho Chấp hành viên, Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

5.3. Ghi chép và nguồn số liệu

Việc ghi chép và tổng hợp số liệu được thực hiện tương tự Biểu mẫu số 01/TK-THA. Riêng cách tính, Cột 1 = Cột 2 + Cột 6 + Cột 7. Trong đó Cột 2 = Cột 3 + Cột 4 + Cột 5.

6. Biểu mẫu số 06/TK-THA

6.1. Nội dung

Phản ánh kết quả thi hành án về việc theo Chấp hành viên, Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự trong các kỳ báo cáo.

6.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng biểu mẫu

Biểu mẫu này được dùng cho Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

6.3. Ghi chép và nguồn số liệu

a) Đối với Chi cục thi hành án dân sự

Số liệu được tổng hợp từ Biểu mẫu thống kê kết quả thi hành án dân sự về việc của Chấp hành viên thuộc Chi cục Thi hành án dân sự. Trình tự ghi được thực hiện theo từng Chấp hành viên tại cột tên Chấp hành viên.

b) Đối với Cục Thi hành án dân sự

Biểu mẫu của Cục Thi hành án dân sự số liệu được tổng hợp từ Biểu mẫu thống kê kết quả thi hành án dân sự về việc của Chấp hành viên thuộc Cục Thi hành án dân sự. Trình tự ghi được thực hiện theo từng Chấp hành viên tại cột tên Chấp hành viên.

Biểu mẫu của toàn tỉnh số liệu được tổng hợp từ Biểu mẫu thống kê kết quả về việc của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự. Trình tự ghi được thực hiện theo từng đơn vị thi hành án và chấp hành viên, bắt đầu từ Cục Thi hành án dân sự, lần lượt cho đến hết.

c) Ghi chép

Đối với việc ủy thác thi hành án thực hiện tương tự Biểu số 01/TK-THA.

Số định chỉ tại Cột 7 không bao gồm số miễn tại Cột 9.

Cột số 1 = Cột 2 + Cột 3 = Cột 4 + Cột 12. Trong đó, Cột 4 = Cột 5 + Cột 6 + Cột 7 + Cột 8 + Cột 9 + Cột 10 + Cột 11; Cột 12 = Cột 13 + Cột 14 + Cột 15.

7. Biểu mẫu số 07/TK-THA

7.1. Nội dung

Phản ánh kết quả thi hành án về tiền theo Chấp hành viên, Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự trong các kỳ báo cáo.

7.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng biểu mẫu

Biểu mẫu này được dùng cho Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

7.3. Ghi chép và nguồn số liệu

Việc ghi chép và tổng hợp số liệu được thực hiện tương tự Biểu mẫu số 06/TK-THA.

8. Biểu mẫu số 08/TK-THA

8.1. Nội dung

Phản ánh việc đề nghị xét miễn, giảm và kết quả việc xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án dân sự của Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự và từng địa phương trong các kỳ báo cáo.

8.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng

Biểu này được dùng cho Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

8.3. Ghi chép và nguồn số liệu

a) Đối với Chi cục Thi hành án dân sự

Số liệu được tổng hợp từ hồ sơ thi hành án của Chấp hành viên thuộc Chi cục Thi hành án dân sự và các loại sổ có liên quan. Số liệu ghi số tổng hợp chung của toàn đơn vị, không ghi chép theo từng Chấp hành viên.

b) Đối với Cục Thi hành án dân sự

Số liệu được tổng hợp từ hồ sơ thi hành án của Chấp hành viên Cục Thi hành án dân sự và các loại sổ có liên quan. Số liệu ghi số tổng hợp chung của toàn đơn vị, không ghi chép theo từng Chấp hành viên.

Đối với Biểu mẫu của toàn tỉnh số liệu được tổng hợp từ Biểu mẫu của Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

c) Ghi chép

Trình tự ghi chép được thực hiện lần lượt theo từng đơn vị, bắt đầu từ Cục Thi hành án dân sự đến các Chi cục Thi hành án dân sự.

Đối với Chi cục Thi hành án dân sự chỉ ghi số chung của Chi cục mà không phải tổng hợp theo từng Chấp hành viên.

Cột 1 = Cột 5 + Cột 9; Cột 2 = Cột 6 + Cột 10; Cột 3 = Cột 7 + Cột 11; Cột 4 = Cột 8 + Cột 12.

9. Biểu mẫu số 09/TK-THA

9.1. Nội dung

Phản ánh số lượng bản án, quyết định của Tòa án tuyên không rõ, có sai sót; bản án, quyết định có căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm; số lượng văn bản đề nghị giải thích, đính chính, kiến nghị xem xét bản án, quyết định của cơ quan Thi hành án và việc trả lời của Tòa án có thẩm quyền.

9.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng biểu mẫu

Biểu này được dùng cho Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

9.3. Ghi chép và nguồn số liệu

Số liệu được tổng hợp từ hồ sơ thi hành án của Chấp hành viên và các loại sổ có liên quan.

Việc ghi chép được thực hiện tương tự Biểu mẫu số 08/TK-THA. Riêng việc tính toán, Cột 1 = Cột 2 + Cột 3 + Cột 4; Cột 5 = Cột 6 = Cột 7 + Cột 8; Cột 9 = Cột 10 + Cột 11; Cột 12 = Cột 13 + Cột 14.

10. Biểu mẫu số 10/TK-THA

10.1. Nội dung

Phản ánh tình hình cưỡng chế thi hành án dân sự không huy động lực lượng và có huy động lực lượng tại các Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự trong các kỳ báo cáo.

10.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng biểu mẫu

Biểu này dùng cho Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

10.3. Ghi chép và nguồn số liệu

Số liệu được tổng hợp từ Hồ sơ thi hành án của Chấp hành viên và các loại sổ có liên quan.

Việc ghi chép được thực hiện tương tự Biểu mẫu số 08/TK-THA. Riêng việc tính toán: Cột 1 = Cột 2 + Cột 3 = Cột 8 + Cột 9 + Cột 10; Cột 3 = Cột 4 + Cột 5 + Cột 6 + Cột 7.

11. Biểu số 11/TK-THA

11.1. Nội dung

Phản ánh tình hình khiếu nại và giải quyết khiếu nại về thi hành án dân sự trong các kỳ báo cáo của Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự.

11.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng biểu mẫu

Biểu mẫu này dùng cho Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

11.3. Ghi chép và nguồn số liệu

Số liệu được lấy từ hồ sơ thi hành án, hồ sơ giải quyết khiếu nại, các sổ có liên quan đến việc giải quyết khiếu nại của Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

Việc ghi chép, thực hiện tương tự Biểu mẫu số 08/TK-THA. Riêng việc tính toán: Cột 1 = Cột 2 + Cột 3; Cột 4 = Cột 5 + Cột 6 = Cột 7 + Cột 10; Cột 14 = Cột 15 + Cột 16 + Cột 17 + Cột 18 + Cột 19.

12. Biểu mẫu số 12/TK-THA

12.1. Nội dung

Phản ánh tình hình tố cáo và giải quyết tố cáo về thi hành án dân sự trong các kỳ báo cáo của Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự.

12.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng biểu mẫu

Biểu mẫu này dùng cho Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

12.3. Ghi chép và nguồn số liệu

Số liệu được lấy từ hồ sơ thi hành án, hồ sơ giải quyết tố cáo, các sở liên quan đến việc giải quyết tố cáo của Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

Việc ghi chép, thực hiện tương tự Biểu mẫu số 08/TK-THA. Riêng việc tính toán: Cột 1 = Cột 2 + Cột 3; Cột 4 = Cột 5 + Cột 6; Cột 7 = Cột 8 + Cột 9; Cột 10 = Cột 11 + Cột 12 + Cột 13; Cột 14 = Cột 15 + Cột 16 + Cột 17 + Cột 18 + Cột 19.

13. Biểu mẫu số 13/TK-THA

13.1. Nội dung

Phản ánh số lượng biên chế, tình hình thực hiện biên chế; cơ cấu công chức theo ngạch, bậc đang làm việc tại cơ quan thi hành án dân sự trong các kỳ báo cáo.

13.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng biểu mẫu

Biểu này dùng cho Cục Thi hành án dân sự.

13.3. Ghi chép và nguồn số liệu

Số liệu được lấy từ sổ, hồ sơ về cán bộ, công chức tại Cục Thi hành án dân sự, Chi cục Thi hành án dân sự. Trình tự ghi chép được thực hiện lần lượt, bắt đầu từ Cục Thi hành án dân sự đến Chi cục Thi hành án dân sự.

Cột 1 = Cột 2 + Cột 18; Cột 2 = Cột 3 + Cột 4 + Cột 5 + Cột 6 + Cột 7 + Cột 8 + Cột 9 + Cột 10 + Cột 11 + Cột 12 + Cột 13 + Cột 14 + Cột 15 + Cột 16 + Cột 17.

14. Biểu mẫu số 14/TK-THA

14.1. Nội dung

Phản ánh trình độ công chức của cơ quan Thi hành án dân sự tại các kỳ báo cáo theo trình độ chuyên môn, nghề nghiệp được đào tạo.

14.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng biểu mẫu

Biểu mẫu này dùng cho Cục Thi hành án dân sự.

14.3. Ghi chép và nguồn số liệu

Số liệu được lấy từ sổ, hồ sơ về cán bộ, công chức tại Cục Thi hành án dân sự, Chi cục Thi hành án dân sự. Trình tự ghi chép được thực hiện lần lượt, bắt đầu từ Cục Thi hành án dân sự đến Chi cục Thi hành án dân sự.

Cột 1 = Cột 2 + Cột 3 + Cột 4 + Cột 5 + Cột 6 + Cột 7 + Cột 8.

15. Biểu mẫu số 15/TK-THA

15.1. Nội dung

Phản ánh tình hình giám sát hoạt động thi hành án dân sự của các cơ quan có thẩm quyền và kết quả thực hiện kết luận giám sát trong thi hành án dân sự tại các kỳ báo cáo.

15.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng biểu mẫu

Biểu mẫu này được dùng cho Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

15.3. Ghi chép và nguồn số liệu

a) Đối với Chi cục Thi hành án dân sự, số liệu được tổng hợp từ các tài liệu liên quan đến giám sát hoạt động thi hành án dân sự của các cơ quan có thẩm quyền trong kỳ báo cáo đối với Chi cục Thi hành án dân sự. Việc ghi chép thực hiện theo sổ chung cho toàn đơn vị, không ghi theo từng Chấp hành viên.

b) Đối với Cục Thi hành án dân sự, số liệu trong Biểu mẫu của Cục Thi hành án dân sự được tổng hợp từ các tài liệu liên quan đến giám sát hoạt động thi hành án dân sự của các cơ quan có thẩm quyền trong kỳ báo cáo đối với Cục Thi hành án dân sự. Việc ghi chép theo sổ chung cho toàn đơn vị, không ghi theo từng Chấp hành viên.

Số liệu của toàn tỉnh được tổng hợp từ báo cáo của Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

c) Ghi chép

Việc ghi chép được thực hiện lần lượt, bắt đầu từ Cục Thi hành án dân sự, đến các Chi cục Thi hành án dân sự. Đối với các Chi cục Thi hành án dân sự chỉ ghi số chung của Chi cục mà không tổng hợp theo từng Chấp hành viên.

Cột 1 = Cột 2 + Cột 3 + Cột 4 + Cột 5 = Cột 6 + Cột 7 = Cột 8 + Cột 9 + Cột 10.

16. Biểu số 16/TK-THA

16.1. Nội dung

Phản ánh tình hình kiểm sát hoạt động thi hành án dân sự của các cơ quan có thẩm quyền trong thi hành án dân sự tại các kỳ báo cáo.

16.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng số liệu

Biểu này dùng Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

16.3. Ghi chép và nguồn số liệu

Số liệu được tổng hợp từ các tài liệu có liên quan đến kiểm sát hoạt động thi hành án dân sự.

Việc ghi chép được thực hiện tương tự Biểu mẫu số 15/TK-THA.

Cột 1 = Cột 2 + Cột 3 + Cột 4; Cột 5 = Cột 6 + Cột 7 + Cột 8 + Cột 9 + Cột 10.

17. Biểu số 17/TK-THA

17.1. Nội dung

Phản ánh tình hình kháng nghị và xử lý kháng nghị của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật.

17.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng biểu mẫu

Biểu mẫu này dùng cho Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

17.3. Ghi chép và nguồn số liệu

Số liệu được tổng hợp từ hồ sơ thi hành án, các loại sổ có liên quan.

Việc ghi chép thực hiện tương tự Biểu mẫu số 15/TK-THA.

Cột 1 = Cột 3 + Cột 11; Cột 2 = Cột 4 + Cột 12.

18. Biểu mẫu số 18/TK-THA

18.1. Nội dung

Phản ánh tình hình thực hiện bồi thường nhà nước trong thi hành án dân sự tại mỗi kỳ báo cáo.

18.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng biểu mẫu

Biểu này dùng cho Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

18.3. Ghi chép và nguồn số liệu

Số liệu được lấy từ hồ sơ thi hành án, hồ sơ bồi thường nhà nước trong thi hành án dân sự, sổ theo dõi về bồi thường nhà nước trong thi hành án dân sự.

Việc ghi chép được thực hiện tương tự Biểu mẫu số 15/TK-THA.

Cột 1 = Cột 3 + Cột 5 = Cột 7 + Cột 9; Cột 2 = Cột 4 + Cột 6 = Cột 8 + Cột 10.

19. Biểu số 19/TK-THA

19.1. Nội dung

Phản án tình hình đơn đốc việc thi hành các bản án, quyết định hành chính đối với các cơ quan có thẩm quyền thi hành bản án, quyết định hành chính trong mỗi kỳ báo cáo.

19.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng biểu mẫu

Biểu mẫu này dùng cho Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

19.3. Ghi chép và nguồn số liệu

Số liệu được tổng hợp từ sổ sách theo dõi việc đơn đốc thi hành án hành chính.

Việc ghi chép thực hiện tương tự Biểu mẫu số 15/TK-THA.

Cột 1 = Cột 2 + Cột 3; Cột 4 = Cột 5 + Cột 6.

Phần 2
TÍNH TOÁN MỘT SỐ CHỈ TIÊU

1. Chỉ tiêu về việc giải quyết xong/có điều kiện giải quyết

$$\text{Số \% giải quyết xong} = \frac{\text{Số ủy thác} + \text{Thi hành xong} + \text{Đình chỉ} + \text{Trả đơn} + \text{Số miễn thi hành án}}{\text{Số ủy thác} + \text{Thi hành xong} + \text{Đình chỉ} + \text{Trả đơn} + \text{Số miễn thi hành án} + \text{Số dở dang} + \text{Số chưa thi hành}} \times 100$$

2. Chỉ tiêu về tiền giải quyết xong/có điều kiện giải quyết

$$\text{Số \% giải quyết xong} = \frac{\text{Số ủy thác} + \text{Thi hành xong} + \text{Đình chỉ} + \text{Trả đơn} + \text{Số miễn, giảm thi hành án}}{\text{Số ủy thác} + \text{Thi hành xong} + \text{Đình chỉ} + \text{Trả đơn} + \text{Số miễn, giảm thi hành án} + \text{Số dở dang} + \text{Số chưa thi hành}} \times 100$$

3. Chỉ tiêu giảm số việc, tiền chuyển kỳ sau

$$\text{Tỷ lệ giảm} = \frac{\text{Số chuyển kỳ sau của năm hiện tại} - \text{Số chuyển kỳ sau của năm trước liền kề}}{\text{Số chuyển kỳ sau của năm trước liền kề}} \times 100$$

Trường hợp số dương (+) là tăng tồn, trường hợp số âm (-) là giảm tồn. Chú ý, số chuyển kỳ sau trong báo cáo của năm trước bao giờ cũng phải trùng khớp với số rã cũ chuyển sang trong báo cáo của năm hiện tại.